

Số: 4102/KL-ĐCKS

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

KẾT LUẬN THANH TRA

**Về việc chấp hành pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan
trong công tác quản lý, thăm dò, khai thác, sử dụng đá làm
vật liệu xây dựng thông thường đối với
Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đà Nẵng**

Thực hiện Quyết định số 400/QĐ-ĐCKS ngày 12/4/2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trong công tác quản lý, thăm dò, khai thác, sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong các ngày 24/4 và 22/5/2017, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra mỏ Phước Tường, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 705/GP-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng;

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-TTr ngày 03/8/2017 của Trưởng Đoàn thanh tra; ý kiến giải trình của Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đà Nẵng tại Biên bản Thanh tra;

Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

I. Khái quát chung

1. Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đà Nẵng có địa chỉ tại số 199 Lê Trọng Tấn, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, được Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số 0400101098, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/9/2015.

2. Ngày 04/02/2016, UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 705/GP-UBND cho phép Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đà Nẵng khai thác khoáng sản đá vật liệu xây dựng tại mỏ đá Phước Tường, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Theo đó:

- Trữ lượng địa chất còn lại: 3.156.600 m³;
- Trữ lượng đưa vào khai thác: 2.367.450 m³;
- Khối lượng đá nguyên khai được khai thác theo thời hạn giấy phép: 576.000 m³;
- Công suất khai thác 128.000 m³ đá nguyên khai/năm;



- Diện tích khu vực khai thác 30,6 ha;
- Thời hạn khai thác: đến hết tháng 6/2020.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Về lĩnh vực khoáng sản

1.1. Tại khu vực khai thác:

- Chưa thực hiện đầy đủ việc cắm mốc ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản ngoài thực địa (chưa cắm 09 mốc/14 mốc); chưa có biên bản xác nhận hoàn thành việc cắm mốc của các cơ quan chức năng;

- Khai thác trong diện tích được cấp phép, hoạt động khai thác cắt tầng lớn, khấu theo lớp băng;

- Đã thực hiện việc cắm các biển báo hiệu, bảng chỉ dẫn an toàn, niêm yết nội quy an toàn, quy trình vận hành máy móc thiết bị tại các vị trí cần thiết ở khu vực mỏ;

- Đã lắp đặt trạm cân và camera tại khu vực mỏ để kiểm kê khối lượng khoáng sản trước khi vận chuyển ra khỏi mỏ.

1.2. Thực hiện các quy định khác:

- Đã thông báo ngày bắt đầu khai thác cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

- Đã lập, nộp Thiết kế cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa phê duyệt theo quy định;

- Đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ nhưng chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định do Công ty đã tìm người và tuyển dụng nhiều lần nhưng hiện nay, chưa tìm được người có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

- Công suất khai thác thực tế trong hai năm 2015, 2016 vượt công suất so với công suất được phép khai thác do tính cả khối lượng tồn kho năm trước chuyển sang và khối lượng lớp phủ đá phong hóa.

- Thực hiện lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng trong thời kỳ thanh tra cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;

- Chưa cập nhật thông tin định kỳ 6 tháng/lần bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng trong thời kỳ thanh tra theo quy định.

2. Về lĩnh vực khác có liên quan

- Đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường mỏ đá Phước Tường và đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt;

- Đã lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác mỏ đá Phước Tường và đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt;
- Đã ký Hợp đồng thuê đất khai thác khoáng sản;
- Có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; bổ nhiệm chỉ huy nổ mìn; lập hộ chiếu nổ mìn theo mẫu quy định;
- Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ trong thời kỳ thanh tra với tần suất 2 lần/năm;
- Nộp đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2016 theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền;
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính khác trong thời kỳ thanh tra như ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; thuế, phí các loại ...

III. Kết luận

1. Những ưu điểm

1.1. Đã thực hiện cắm mốc điểm khép góc ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản ngoài thực địa; thông báo ngày bắt đầu khai thác cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện theo quy định.

1.2. Thực hiện các quy định khác như: Lập, phê duyệt, nộp Thiết kế mỏ; bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng; báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Khai thác trong diện tích được cấp phép.

1.3. Có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; thực hiện bổ nhiệm chỉ huy nổ mìn; lập hộ chiếu nổ mìn theo mẫu quy định.

1.4. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong thời kỳ thanh tra như: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; thuế, phí các loại ...

1.5. Đã lắp đặt trạm cân và camera tại khu vực mỏ để kiểm kê khối lượng khoáng sản trước khi vận chuyển ra khỏi mỏ.

2. Những tồn tại, vi phạm

2.1. Chưa thực hiện cắm đầy đủ mốc ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản ngoài thực địa (chưa cắm 09 mốc/14 mốc).

2.2. Quy cách mốc ranh giới mỏ ngoài thực địa đã cắm chưa bảo đảm tiêu chuẩn mốc địa giới hành chính cấp xã theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 20 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ (do việc cắm mốc đã thực hiện trước khi Nghị định có hiệu lực).

2.3. Chưa cập nhật thông tin thường xuyên tối thiểu 6 tháng một lần bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản.



2.4. Chưa phê duyệt thiết kế mỏ đá Phước Tường, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ.

2.5. Chưa thực hiện đo đạc, tính toán tổn thất, làm nghèo khoáng sản trong quá trình khai thác.

2.6. Công suất khai thác thực tế trong hai năm 2015, 2016 vượt công suất so với công suất được phép khai thác.

2.7. Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ không đủ tiêu chuẩn theo quy định.

IV. Yêu cầu, kiến nghị

1. Yêu cầu Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đà Nẵng

1.1. Thực hiện cắm đầy đủ mốc ranh giới mỏ ngoài thực địa bảo đảm quy cách theo tiêu chuẩn mốc địa giới hành chính cấp xã theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 20 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

1.2. Thực hiện cập nhật thông tin thường xuyên tối thiểu 6 tháng một lần bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Thực hiện phê duyệt thiết kế mỏ đá Phước Tường, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo quy định.

1.4. Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ bảo đảm theo tiêu chuẩn quy định.

1.5. Thực hiện khai thác với công suất không được vượt công suất quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

1.6. Thực hiện đo đạc, tính toán tổn thất, làm nghèo khoáng sản trong quá trình khai thác.

1.7. Báo cáo các cấp có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh công suất tính theo đá nguyên khai đã ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản số 705/GP-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng và các hồ sơ liên quan, bảo đảm phù hợp với khoản 3, Điều 2, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; thực hiện khai thác theo công suất quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

2.1. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan chức năng của thành phố yêu cầu Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đà Nẵng khẩn trương khắc phục những tồn tại, vi phạm trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Phước Tường, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; rà soát, báo cáo UBND thành phố xem xét, điều chỉnh công suất tính theo đá nguyên khai đã ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản số 705/GP-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng và các hồ sơ liên quan, bảo đảm phù hợp với khoản 3, Điều

2, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

2.2. Xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với những tồn tại, vi phạm của Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đà Nẵng trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Phước Tường, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này, Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đà Nẵng phải thực hiện các yêu cầu nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CPXDCT Giao Thông ĐN (để thực hiện);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà;
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc;
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường ;
- UBND thành phố Đà Nẵng;
- Cục KSHĐKS miền Trung (để theo dõi);
- Cục KSHĐKS miền Bắc (để tổng hợp);
- Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng;
- Lưu: VP, KSMT (S,10).


TỔNG CỤC TRƯỞNG

Đỗ Cảnh Dương

